

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-PT

Ngày: 25/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy;

Ông Lại Anh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án tỉnh Hải dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 K 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 182/2018/TLPT-HS ngày 06/12/2018. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án số 209/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

**** Các bị cáo kháng cáo:***

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/10/2002.

Nơi ĐKKHKT: Phường C, thị xã L, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 10/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông A và bà D. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Chưa. Tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn P, sinh năm 1999.

Trú quán: Phường E, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 10/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông G và bà I. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 28/3/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn K, sinh năm 1997.

Trú quán: Phường E, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động

tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông M và bà N. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 06/12/2013, bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản. Bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 28/3/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 12/7/2000.

Trú quán: Xã U, huyện X, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 10/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông S và bà O. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ ba. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 28/3/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có các bị cáo Trần Văn A1, Trần Văn A2, Trần Đình A3 không kháng cáo.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:** Chị D, sinh năm 1977 (là mẹ). ĐKKHKT: Phường C, thị xã L, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Văn T:** Bà Ngô Thị Xuân Thu - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

*** Người bị hại không kháng cáo:** Phạm Quang B1, sinh ngày 18/4/2001. Người đại diện hợp pháp: Chị B2, sinh năm 1982; địa chỉ: Phường E, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/02/2018, Phạm Quang B1 vay của Trần Văn A1 5.000.000đ với lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày và 10 ngày trả lãi một lần; nợ gốc khi nào trả cũng được. Khi giao tiền, A1 trừ 350.000đ tiền lãi của 10 ngày đầu và đưa cho B1 4.650.000đ. Ngày 17/3/2018, B1 trốn tránh và thách thức sẽ không trả tiền nên A1 nói lại sự việc cho Trần Văn A2, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Phạm Văn K và Trần Đình A3 biết. Khoảng 11h30 phút ngày 17/3/2018, A1 mang theo một con dao tự chế bằng kim loại, dài 57cm, loại dao hai lưỡi, có một đầu nhọn, điều khiển xe mô tô Honda Wave màu trắng, không BKS chở T và A2 đi tìm B1 để đòi nợ. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/3/2018, thấy B1 ngồi chơi ở quán bán cá tại thành phố H nên A2 và A1 vào kéo B1 ra ngoài đường. Khi B1 bảo chưa có tiền trả nợ thì A1 giơ dao dọa chém và cùng A2, T tát, đấm, đá B1. A1, A2 kéo B1 ra đoạn ngã tư Nguyễn Văn Linh giao với đường Thanh Bình, tiếp tục dùng chân, tay đấm đá

vào người, vào mặt B1 và yêu cầu B1 đi với A1 để giải quyết chuyện nợ tiền nhưng B1 không đi.

Lúc này, A1 điện thoại gọi cho Trần Văn P và Phạm Văn K đến giúp A1 đưa B1 về. P rủ thêm Nguyễn Quốc Q và A3 cùng đi ra chỗ A1. A3 điều khiển xe ô tô 04 chỗ màu trắng (*chưa xác định được BKS*) chở P, Q và một người tên C1; K đi xe máy Wave màu trắng (*chưa xác định được BKS*) đến chỗ A1. Khi đến nơi thì A3, Q và P xuống xe đi ra chỗ A1 (C1 vẫn ngồi trên ghế phụ ô tô). B1 sợ bị đánh nên bỏ chạy vào đường Trần Nguyên Đán. Cả bọn đuổi theo khoảng 200m thì bắt được B1; A3, Q, P và A2 dùng chân tay đánh đấm, tát nhiều phát vào mặt, vào người B1. A3 và A1 yêu cầu B1 về quán 106 đường Nguyễn Thị Duệ để giải quyết việc nợ tiền nhưng B1 không đi; K vào túm áo bên vai trái, P túm áo bên vai phải của B1 kéo dậy; A2 nhặt một chiếc áo cũ ở tường rào nhà dân quán vào cổ B1 đẩy và kéo B1 đến ngồi vào cốp xe ô tô nhưng B1 không nghe. A3 lấy dao của A1 dơ lên dọa; K, A2 đẩy B1 vào cốp xe và đóng lại. A1, A2, K và T điều khiển 02 xe mô tô; A3 điều khiển xe ô tô chở P, Q và C1 đưa B1 về số 106 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố H. Tại đây, C1 vẫn ngồi ngoài xe ô tô; P và Q đi vào phòng trong xăm hình; A3, A1, A2, K và T đưa B1 vào phòng khách và bắt B1 trả tiền. B1 hẹn một tuần sau sẽ trả thì A3 và A1 yêu cầu B1 viết giấy nhận nợ. Do sợ bị đánh nên B1 đã viết một giấy nhận vay 7.000.000đ của A3. A1 tiếp tục yêu cầu B1 viết một hợp đồng thuê 02 xe đạp điện từ ngày 18/3/2018 đến ngày 25/3/2018 mục đích để làm tin, buộc B1 phải trả số tiền 7.000.000đ. Sau đó, A1 đưa B1 về đường Nguyễn Văn Linh.

- Quá trình điều tra: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.
- Người bị hại xác định chỉ bị xây xước ngoài da do bị các bị cáo đánh và từ chối giám định thương tích; không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.
- Vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của A1 01 điện thoại và 01 dao tự chế; Điện thoại dùng liên lạc với A1, P và K đã làm mất; áo cũ dùng để quấn cổ B1, A2 đã vứt trên đường đi nên không thu giữ được. Hai xe mô tô A1, K sử dụng là của khách (không rõ họ tên, địa chỉ) gửi cầm đồ và A3 đã trả lại xe cho khách; chiếc xe ô tô do A3 điều khiển là của C1 nhưng chưa xác định lai lịch của C1 và của khách gửi hai chiếc xe mô tô.

Tại bản án sơ thẩm số 209/2018/HS-ST ngày 25/10/2018, Tòa án nhân dân (viết tắt: TAND) thành phố H đã áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 58; điểm b, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (BLHS) đối với các bị cáo Trần Văn A1, Trần Văn A2, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Trần Đình A3, Phạm Văn K, Nguyễn Quốc Q.

Áp dụng thêm điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A3; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo A1, A2, T, P, A3, K, Q; điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo A1, P; Điều 91, khoản 1 Điều 101 BLHS

đối với các bị cáo A1, A2, Q; Điều 91, khoản 2 Điều 101 BLHS đối với T; Điều 54 BLHS đối với P, K, Q, T, A2. Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án lệ phí tòa án.

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn A1, Trần Văn A2, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Trần Đình A3, Phạm Văn K, Nguyễn Quốc Q phạm tội “Cướp tài sản”, phạt: Trần Văn A1 05 năm 03 tháng tù; Trần Đình A3 07 năm 03 tháng tù; Trần Văn A2 05 năm tù; Trần Văn P 06 năm 07 tháng tù; Phạm Văn K 06 năm 06 tháng tù; Nguyễn Quốc Q 05 năm tù; Nguyễn Văn T 03 năm 03 tháng tù. Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/11/2018, bị cáo Q kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo. Ngày 05/11/2018, bị cáo P kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 06/11/2018, bị cáo K kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Trường kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo T, P, K và Q khai nhận hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bào chữa cho bị cáo Q và T đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) xem xét cho bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, có ông nội là người có công theo điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS vì ông, bà ngoại bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q và T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu đánh giá tính chất vụ án, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ; có ý kiến đối đáp không chấp nhận với quan điểm của người bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Q và T. Đề nghị HĐXX áp dụng pháp luật; không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt: BLTTHS) trong việc điều tra, truy tố và xét xử đối với các bị cáo.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo T, P, Q, K khai nhận như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, với tang vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại. Nên có căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút

ngày 18/3/2018, tại khu vực đường Nguyễn Văn Linh và Trần Nguyên Đán, phường Thanh Bình, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Trần Văn A1, Trần Văn A2, Nguyễn Văn T, Trần Đình A3, Trần Văn P, Phạm Văn K, Nguyễn Quốc Q đã dùng dao đe dọa; dùng chân tay đấm, đá, tát, kéo và đẩy B1 vào cốp xe ô tô đưa về số 106 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố H để buộc B1 phải viết giấy nhận nợ nhằm chiếm đoạt số tiền 7.000.000đ. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cướp tài sản”. Hành vi dùng dao bằng kim loại đe dọa người bị hại là hành vi “sử dụng phương tiện nguy hiểm” để phạm tội. Nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng về tội cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên hình phạt với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công từ trước. Người bị hại có vay tiền A1 đó là quan hệ dân sự và đương nhiên người vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó theo quy định tại Điều 464 Bộ luật Dân sự (viết tắt: BLDS). Các bị cáo đã sử dụng vũ lực để buộc B1 phải viết giấy vay 7.000.000đ đó là hành vi chiếm đoạt. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại tới hai khách thể được pháp luật bảo vệ đó là tính mạng sức khỏe và tài sản của người khác. Trong vụ án, bị cáo A1 là người khởi xướng, chuẩn bị dao và thực hiện hành vi tích cực giữ vai trò chính. Các bị cáo khác đều là đồng phạm thực hành tích cực, trong đó có các bị cáo kháng cáo là Nguyễn Văn T tham gia tích cực ngay từ đầu; P sau khi được A1 điện thoại lại tiếp tục rủ thêm A3 và Q. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đều thể hiện vai trò tích cực: Dùng dao đe dọa, bằng hành vi cụ thể như tát, đấm, đá và kéo B1 ra ngã tư tiếp tục đấm đá yêu cầu B1 đi để giải quyết nợ. Khi B1 không đi, sợ bỏ chạy cả bọn đuổi theo, khi bắt được B1 tiếp tục dùng dao đe dọa, đấm đá; túm vai, lấy áo cũ quần vào cổ B1 đưa ra xe ô tô và đẩy B1 vào cốp xe. Tại quán của A3 (số 106 Nguyễn Thị Duệ); A2, Cùng đồng phạm khác đưa B1 vào nhà để A1 và A3 ép B1 viết giấy nhận nợ.

Như vậy, hành vi đồng phạm của các bị cáo T, A2, K và Q là hết sức tích cực thể hiện thái độ coi thường và thiếu tôn trọng pháp luật. Làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý không tốt trong nhân dân. Đặc biệt là hành vi cho vay với lãi suất cao dạng “*tín dụng đen*” đang có diễn biến phức tạp; các đối tượng thể hiện sự manh động không phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội khi thực hiện đòi nợ. Nên cần phải có hình phạt nghiêm nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa. Trong vụ án này, bản án sơ thẩm đã đánh giá phân tích và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa, người bào chữa bảo vệ quyền lợi cho hai bị cáo T và Q đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng các tình tiết đó tại cấp sơ thẩm, người bào chữa đưa ra

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và không chấp nhận. Và việc không chấp nhận là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới; ngoại trừ bị cáo Q được chấp nhận thái độ khai báo thành khẩn. Tuy nhiên, căn cứ tính chất vụ án cũng như cần phải có thái độ nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, riêng Tphạm tội khi chưa đủ 16 tuổi được miễn nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 BLTTHS.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Phạm Văn K, Nguyễn Quốc Q. Giữ nguyên Bản án số 209/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 58; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt Trần Văn P 06 (sáu) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/3/2018 về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 58; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt Phạm Văn K 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/3/2018 về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 58; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Phạt Nguyễn Quốc Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/3/2018 về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 58; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Phạt Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Các bị cáo Trần Văn P, Phạm Văn K, Nguyễn Quốc Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (25/01/2019)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND Tp. H;
- VKSND Tp. H;
- CQ CSĐT Công an Tp. H;
- Phòng HSNV Công an Tp. H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo; người bị hại;
- Người đại diện của bị cáo, bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường